

Phụ lục I
TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ ĐỔI MỚI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035 VÀ NĂM 2045
(Kèm theo Chương trình hành động số _____ /CTr-UBND ngày _____ tháng 8 năm 2026 của UBND thành phố)

STT	Chỉ tiêu quốc gia	Đơn vị tính	Mục tiêu, định hướng của thành phố Cần Thơ			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			Mục tiêu đến năm 2030	Định hướng đến năm 2035	Định hướng đến năm 2045		
I	NHÓM CHỈ TIÊU VỀ THỂ CHẾ, QUẢN TRỊ QUỐC GIA VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ						
1	Xếp hạng về phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số	Xếp hạng	Phấn đấu thuộc nhóm địa phương dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số; tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%.	Cơ bản hoàn thiện chính quyền số, quản trị số và cung cấp dịch vụ công chủ động, cá thể hóa trên môi trường số.	Quản trị thành phố trên nền tảng số, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo; thuộc nhóm địa phương dẫn đầu cả nước về chính quyền số.	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
2	Xếp hạng môi trường đầu tư của Việt Nam	Xếp hạng	Các chỉ số PAR Index, PAPI, PCI thuộc Nhóm 15 địa phương có chất lượng điều hành tốt.	Duy trì trong nhóm địa phương có chất lượng điều hành tốt; môi trường đầu tư minh bạch, ổn định, cạnh tranh.	Môi trường đầu tư đạt trình độ tiên tiến, có sức cạnh tranh cao trong khu vực.	Sở Tài chính; Sở Nội vụ	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
3	Chỉ số sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)	%	Nâng cao liên tục, góp phần đưa thành phố vào Nhóm 15 địa phương có chất lượng điều hành tốt.	Duy trì mức rất cao, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo chất lượng phục vụ.	Thuộc nhóm địa phương có chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp hàng đầu cả nước.	Sở Nội vụ	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
4	Ti lệ các bộ, ngành Trung ương, địa phương sử dụng nền tảng số phục vụ điều hành theo mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	%	100% cơ quan trong hệ thống chính trị thành phố sử dụng các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung; từng bước đạt cấp độ cao về trưởng thành quản trị dữ liệu theo khung quốc gia.	Phần lớn cơ quan đạt cấp độ 5 về trưởng thành quản trị dữ liệu; dữ liệu được kết nối, chia sẻ, khai thác hiệu quả.	100% cơ quan đạt cấp độ cao nhất về trưởng thành quản trị dữ liệu, vận hành dựa trên dữ liệu thời gian thực.	Công an thành phố; Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
II	NHÓM CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ						
5	Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân/năm	%	GRDP bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt từ 10-10,5%/năm trở lên.	Duy trì tăng trưởng nhanh, bền vững trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Duy trì mức tăng trưởng hợp lý, chất lượng cao, phù hợp vị thế thành phố phát triển khá của châu Á.	Sở Tài chính; Thống kê Thành phố	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
6	GDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành, đến cuối kỳ)	Triệu đồng/người/năm	GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 215 triệu đồng/người/năm.	Tiếp tục tăng nhanh, thu hẹp khoảng cách với các đô thị phát triển trong nước.	Đạt mức cao, phù hợp mục tiêu thành phố phát triển khá của châu Á.	Sở Tài chính; Thống kê Thành phố	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
7	Tỉ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tốc độ tăng trưởng GDP	%	Trên 55%.	Duy trì trên 55%; TFP trở thành động lực chủ yếu của tăng trưởng.	Duy trì ở mức cao, phản ánh mô hình tăng trưởng dựa chủ yếu vào năng suất và đổi mới sáng tạo.	Sở Tài chính; Thống kê Thành phố; Sở Khoa học và Công nghệ	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
8	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm	%	Trên 10%/năm; năng suất lao động theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt trên 358 triệu đồng/lao động/năm.	Duy trì tốc độ tăng cao, gắn với chuyển dịch lao động sang các ngành có năng suất và giá trị gia tăng cao.	Năng suất lao động thuộc nhóm cao của cả nước, tiệm cận các đô thị phát triển trong khu vực.	Sở Tài chính; Thống kê Thành phố	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
9	Tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP (đến cuối kỳ)	%	Đạt tối thiểu 30%.	Đạt khoảng 30-35%; kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu.	Đạt từ 40% trở lên; kinh tế số trở thành nền tảng của nền kinh tế thành phố.	Sở Tài chính; Thống kê Thành phố; Sở Khoa học và Công nghệ	Sở ngành liên quan, UBND xã phường

STT	Chỉ tiêu quốc gia	Đơn vị tính	Mục tiêu, định hướng của thành phố Cần Thơ			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			Mục tiêu đến năm 2030	Định hướng đến năm 2035	Định hướng đến năm 2045		
10	Tốc độ tăng trưởng thị trường trung tâm dữ liệu bình quân/năm	%	Phát triển hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung, Khu Công nghệ số Hậu Giang, kho dữ liệu dùng chung và các trung tâm dữ liệu phục vụ chính quyền số, kinh tế số.	Hình thành thị trường dịch vụ dữ liệu, điện toán đám mây và trung tâm dữ liệu có quy mô vùng.	Cần Thơ trở thành một trung tâm dữ liệu và dịch vụ số quan trọng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
11	Xếp hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) (đến cuối kỳ)	Xếp hạng	Nâng cao thứ hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), phấn đấu thuộc nhóm dẫn đầu vùng và nhóm khá của cả nước.	Thuộc nhóm địa phương dẫn đầu cả nước về đổi mới sáng tạo.	Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo có năng lực cạnh tranh khu vực.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
12	Tốc độ tăng số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế trung bình/năm	%	Tăng bình quân 16-18%/năm; tỷ lệ khai thác thương mại đạt 8-10%.	Tăng bình quân 10-12%/năm; nâng mạnh tỷ lệ thương mại hóa tài sản trí tuệ.	Duy trì tăng khoảng 10%/năm; tài sản trí tuệ được khai thác rộng rãi trong sản xuất, kinh doanh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
13	Doanh nghiệp công nghệ số của Việt Nam vươn ra toàn cầu	Doanh nghiệp	Hình thành, phát triển doanh nghiệp công nghệ số có sản phẩm, dịch vụ cung cấp ngoài thành phố và từng bước tham gia thị trường quốc tế.	Có doanh nghiệp công nghệ số của thành phố tham gia chuỗi cung ứng khu vực, có doanh thu đáng kể từ thị trường ngoài nước.	Hình thành một số doanh nghiệp công nghệ số có năng lực cạnh tranh quốc tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
14	Kinh phí chi cho nghiên cứu và phát triển so với GDP, trong đó tỉ trọng kinh phí từ xã hội (đến cuối kỳ)	%	Phấn đấu bố trí 3% tổng chi ngân sách cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tăng huy động nguồn lực xã hội.	Tăng tỷ lệ chi cho nghiên cứu, phát triển; khu vực doanh nghiệp và xã hội giữ vai trò ngày càng lớn.	Hình thành cơ cấu đầu tư nghiên cứu, phát triển hiện đại, trong đó nguồn lực ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng chủ yếu.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
15	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo (đến cuối kỳ)	%	Trên 40% tổng số doanh nghiệp.	Đạt khoảng 45-50%.	Đạt từ 55% trở lên.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
16	Tỉ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá (đến cuối kỳ)	%	Tăng nhanh tỷ trọng sản phẩm chế biến sâu, công nghệ cao, sản phẩm xanh trong tổng kim ngạch xuất khẩu.	Sản phẩm công nghệ cao, chế biến sâu chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong xuất khẩu.	Cơ cấu xuất khẩu dựa chủ yếu vào sản phẩm có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
17	Phát triển trí tuệ nhân tạo (AI) (đến cuối kỳ)	Mức độ phát triển	Đẩy mạnh nghiên cứu, đào tạo và ứng dụng AI trong quản trị, giáo dục, y tế, nông nghiệp, logistics và doanh nghiệp.	Cần Thơ trở thành một trung tâm nghiên cứu, đào tạo và ứng dụng AI của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	Có năng lực nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI ở trình độ tiên tiến trong một số lĩnh vực thế mạnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
18	Phát triển đô thị	% đô thị hóa	Tỷ lệ đô thị hóa đạt từ 50% trở lên; hoàn thành các nhiệm vụ phát triển đô thị thông minh; Cần Thơ là đô thị hạt nhân của vùng.	Hệ thống đô thị đa trung tâm, thông minh, xanh, kết nối đồng bộ; thương hiệu đô thị được nâng cao.	Thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại; phấn đấu thuộc nhóm thành phố phát triển khá của châu Á, là thành phố đáng sống của Việt Nam.	Sở Xây dựng	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
III NHÓM CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI							
19	Phát triển dân số (đến cuối kỳ)	Người	Dân số trung bình đạt 3.335.000 người.	Quy mô, cơ cấu và phân bố dân số phù hợp không gian phát triển, nâng cao chất lượng dân số.	Dân số phát triển cân đối, chất lượng cao, thích ứng với đô thị hiện đại và già hóa dân số.	Sở Y tế; Thống kê Thành phố	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
20	Số người hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ (đến cuối kỳ)	Người/ vạn dân	Đạt 12 người/vạn dân.	Đạt khoảng 25 người/vạn dân.	Phấn đấu đạt khoảng 50-60 người/vạn dân.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
21	Tỉ lệ người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ (STEM)	% sinh viên	Phấn đấu trên 35% tổng số sinh viên tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng trên địa bàn.	Khoảng 40%.	Khoảng 40-45%.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành liên quan, UBND xã phường

STT	Chỉ tiêu quốc gia	Đơn vị tính	Mục tiêu, định hướng của thành phố Cần Thơ			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			Mục tiêu đến năm 2030	Định hướng đến năm 2035	Định hướng đến năm 2045		
22	Phát triển nhân lực số	Mức độ phát triển	Phát triển nguồn nhân lực số, nhân lực an ninh mạng, công nghệ thông tin, AI; nâng cao tỷ lệ lao động có kỹ năng số và bằng cấp, chứng chỉ.	Hình thành đội ngũ chuyên gia số, AI và an ninh mạng đáp ứng nhu cầu phát triển thành phố và vùng.	Nguồn nhân lực số chất lượng cao đạt trình độ khu vực trong một số lĩnh vực.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
23	Số lượng cơ sở giáo dục thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới trong một số lĩnh vực theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín	Cơ sở	Hỗ trợ các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm trên địa bàn nâng cao thứ hạng, có ngành/lĩnh vực tiếp cận nhóm dẫn đầu khu vực và quốc tế.	Phấn đấu có cơ sở hoặc ngành đào tạo, nghiên cứu được xếp hạng cao trong khu vực châu Á.	Có cơ sở giáo dục hoặc một số ngành, lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu có uy tín quốc tế.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
24	Tỉ lệ tham gia hệ thống an sinh xã hội (đến cuối kỳ)	%	Thực hiện đạt hoặc cao hơn mục tiêu quốc gia về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân.	Mở rộng vùng phủ diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; duy trì bảo hiểm y tế toàn dân.	Hệ thống an sinh xã hội bao phủ rộng, bền vững, thích ứng với già hóa dân số.	Sở Y tế; Sở Nội vụ; Bảo hiểm Xã hội thành phố	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
25	Chỉ số tuổi thọ trung bình, trong đó số năm sống khỏe (cuối kỳ)	Tuổi	Tuổi thọ trung bình khoảng 77,12 tuổi; số năm sống khỏe mạnh tối thiểu 68 năm.	Tuổi thọ trung bình khoảng 78 tuổi; số năm sống khỏe tiếp tục tăng.	Tuổi thọ và số năm sống khỏe đạt mức cao, phù hợp thành phố đáng sống.	Sở Y tế; Thống kê thành phố	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
26	Chỉ số xếp hạng bình đẳng giới của Việt Nam	Mức độ	Thực hiện đầy đủ các mục tiêu, chỉ tiêu quốc gia về bình đẳng giới; giảm chênh lệch giới trong tiếp cận giáo dục, việc làm, thu nhập và vị trí lãnh đạo.	Thuộc nhóm địa phương thực hiện tốt các mục tiêu bình đẳng giới.	Bình đẳng giới thực chất trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.	Sở Nội vụ	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
IV NHÓM CHỈ TIÊU VỀ VĂN HÓA, CON NGƯỜI							
27	Chỉ số phát triển con người (HDI)	Điểm	Đạt tối thiểu 0,78.	Đạt trên 0,80, thuộc nhóm cao của cả nước.	Thuộc nhóm phát triển con người cao.	Sở Tài chính; Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; Thống kê thành phố	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
28	Xếp hạng Chỉ số hạnh phúc	Mức độ	Xây dựng bộ tiêu chí, theo dõi mức độ hài lòng và hạnh phúc của người dân; nâng cao chất lượng sống.	Thuộc nhóm địa phương có mức sống và sự hài lòng cao.	Cần Thơ trở thành thành phố đáng sống của Việt Nam.	Sở Nội vụ; Thống kê thành phố	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
29	Đóng góp của giá trị tăng thêm ngành công nghiệp văn hoá trong GDP (đến cuối kỳ)	% GRDP	Tăng đóng góp của công nghiệp văn hóa theo Đề án phát triển công nghiệp văn hóa và xây dựng thương hiệu văn hóa Cần Thơ.	Công nghiệp văn hóa trở thành ngành kinh tế quan trọng, đóng góp ngày càng lớn vào GRDP.	Công nghiệp văn hóa, kinh tế sáng tạo và kinh tế thể thao là các ngành kinh tế có sức cạnh tranh khu vực.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thống kê thành phố	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
30	Phát triển thương hiệu quốc gia các ngành công nghiệp văn hoá (đến cuối kỳ)	Thương hiệu	Xây dựng và phát triển thương hiệu văn hóa Cần Thơ, các lễ hội, sự kiện, sản phẩm văn hóa đặc trưng có uy tín trong nước và khu vực.	Có một số thương hiệu lễ hội, sự kiện và sản phẩm văn hóa có uy tín quốc tế.	Hình thành hệ thống thương hiệu văn hóa Cần Thơ có vị thế trong khu vực châu Á.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
V NHÓM CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI							
31	Tỉ lệ giảm lượng phát thải khí nhà kính	%	Thực hiện mục tiêu giảm phát thải theo phân bổ và lộ trình quốc gia; thúc đẩy chuyển đổi xanh, năng lượng sạch.	Giảm phát thải theo lộ trình quốc gia, tăng hấp thụ các-bon và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.	Hướng tới phát thải ròng bằng “0” theo lộ trình quốc gia vào năm 2050.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở ngành liên quan, UBND xã phường

STT	Chỉ tiêu quốc gia	Đơn vị tính	Mục tiêu, định hướng của thành phố Cần Thơ			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			Mục tiêu đến năm 2030	Định hướng đến năm 2035	Định hướng đến năm 2045		
32	Tỉ lệ năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp (đến cuối kỳ)	%	Tăng nhanh tỷ trọng điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối và năng lượng từ chất thải theo quy hoạch.	Năng lượng tái tạo chiếm tỷ trọng ngày càng cao, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng.	Năng lượng sạch, tái tạo trở thành nguồn cung năng lượng chủ yếu.	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
33	Tỉ lệ khu công nghiệp sinh thái được công nhận trong tổng số khu công nghiệp đang hoạt động (đến cuối kỳ)	%	Chuyển đổi, xây dựng một số khu công nghiệp theo tiêu chí sinh thái, tuần hoàn và phát thải thấp.	Mở rộng mô hình khu công nghiệp sinh thái trong các khu công nghiệp đủ điều kiện.	Khu công nghiệp sinh thái, thông minh trở thành mô hình phổ biến.	Sở Công Thương; Ban Quản lý khu Chế xuất và Công nghiệp Cần Thơ	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
34	Mức độ vận hành thương mại thị trường các-bon	Mức độ	Xây dựng dữ liệu phát thải, năng lực đo đạc, báo cáo, thẩm định; tham gia vận hành thị trường các-bon trong nước theo lộ trình.	Các cơ sở phát thải lớn trên địa bàn tham gia đầy đủ thị trường các-bon bắt buộc.	Kết nối hiệu quả với thị trường các-bon quốc gia và quốc tế.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
35	Phòng, chống và thích ứng với biến đổi khí hậu (đến cuối kỳ)	Mức độ	Nâng tỷ lệ hộ dân tại khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn; di dời dân cư khỏi khu vực có nguy cơ sạt lở; xử lý cơ bản tình trạng ngập tại các đô thị trọng điểm.	Cơ bản kiểm soát ngập úng đô thị, hạn, mặn, sạt lở; trên 80% hộ dân tại khu vực thường xuyên thiên tai có nhà ở an toàn.	100% hộ dân tại khu vực thường xuyên thiên tai có nhà ở an toàn; đô thị lớn ứng dụng công nghệ số, AI trong quản lý ngập và rủi ro khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
VI NHÓM CHỈ TIÊU VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH							
36	Hình thành nền quốc phòng số, lực lượng vũ trang thông minh; công nghiệp quốc phòng tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại	Mức độ	Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân, huấn luyện, diễn tập, giáo dục quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh số hóa quản lý, chỉ huy và xây dựng lực lượng vũ trang thành phố chính quy, tinh nhuệ.	Phần lớn hoạt động quản lý, chỉ huy của lực lượng vũ trang thành phố vận hành trên nền tảng số.	Lực lượng vũ trang thành phố hiện đại, thông minh, đáp ứng yêu cầu bảo vệ địa bàn chiến lược.	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
37	Xếp hạng về Chỉ số an ninh mạng toàn cầu (GCI)	Mức độ	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu trọng yếu; nâng cao năng lực ứng cứu sự cố.	Hình thành nền an ninh số vững chắc, bảo vệ hiệu quả chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.	Năng lực an ninh mạng đạt trình độ tiên tiến, đáp ứng yêu cầu đô thị thông minh.	Công an thành phố	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
38	Phát triển công nghiệp an ninh mạng	Mức độ	Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; tăng cường đào tạo và sử dụng sản phẩm an toàn thông tin trong nước.	Hình thành doanh nghiệp, trung tâm dịch vụ an ninh mạng phục vụ thành phố và vùng.	Có doanh nghiệp, sản phẩm an ninh mạng có năng lực cạnh tranh khu vực.	Công an thành phố	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
39	Phát triển công nghiệp an ninh tự chủ, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại	Mức độ	Triển khai các mục tiêu quốc gia về công nghiệp an ninh; thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng sản phẩm, công nghệ lưỡng dụng phục vụ an ninh và dân sinh.	Nâng cao khả năng tự chủ trang bị, phương tiện và công nghệ phục vụ lực lượng công an thành phố.	Công nghệ, trang bị an ninh hiện đại, đáp ứng đầy đủ yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự của thành phố.	Công an thành phố	Sở ngành liên quan, UBND xã phường
VII NHÓM CHỈ TIÊU VỀ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ							
40	Thu hút các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới (đến cuối kỳ)	Tập đoàn/dự án	Ưu tiên thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ lớn đầu tư dự án, văn phòng, trung tâm nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo tại thành phố.	Có tập đoàn công nghệ lớn đặt cơ sở nghiên cứu, phát triển, sản xuất hoặc trung tâm dịch vụ tại Cần Thơ.	Cần Thơ là địa điểm đầu tư quan trọng của các tập đoàn công nghệ quốc tế tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	Sở Tài chính, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu Chế xuất và Công nghiệp; Sở Ngoại vụ	Sở ngành liên quan, UBND xã phường